

**DANH MỤC NHIỆM VỤ KHCN ĐÃ VÀ SẼ NGHIỆM THU NĂM 2017**  
**VIỆN NGHIÊN CỨU NUÔI TRỒNG THỦY SẢN III**

Stt	Tên nhiệm vụ KHCN	Chủ nhiệm	Thời gian thực hiện	Mục tiêu chung	Kết quả/Sản phẩm theo Hợp đồng/Quyết định	Ghi chú
<b>I</b>	<b>ĐỀ TÀI/DỰ ÁN CẤP NHÀ NƯỚC/QUỐC GIA</b>					
1	<b>Chương trình trọng điểm ứng dụng CNSH trong lĩnh vực NN và PTNT đến năm 2020 (Đề án phát triển và ứng dụng CNSH trong lĩnh vực thủy sản đến năm 2020):</b> Ứng dụng di truyền phân tử và di truyền số lượng để bước đầu chọn giống cá chêm ( <i>Lates calcarifer</i> ) tăng trưởng cao.	TS. Trương Hà Phương	12/2013-12/2017	Tạo giống cá Chêm sinh trưởng	Sản phẩm khoa học và công nghệ dự kiến: <ul style="list-style-type: none"> <li>- Cá hậu bị thế hệ G1</li> <li>- Cá hậu bị thế hệ G2</li> <li>- Đàn cá chọn giống nâng cao sinh trưởng mỗi thế hệ</li> <li>- Số lượng cá bố mẹ có nguồn gốc nhập nội</li> <li>- Bộ chỉ thị phân tử xác định phả hệ</li> <li>- Hệ số di truyền và hiệu quả chọn lọc ước tính về sinh trưởng cá chêm thế hệ G1 và G2</li> <li>- Bài báo về đa hình di truyền quần đàn cá chêm ở Việt Nam và hiệu quả của việc chọn giống</li> <li>- Bài báo đánh giá biến dị di truyền và tương quan tính trạng tăng trưởng bằng marker phân tử</li> <li>- Đào tạo thạc sỹ</li> </ul>	

Stt	Tên nhiệm vụ KHCN	Chủ nhiệm	Thời gian thực hiện	Mục tiêu chung	Kết quả/Sản phẩm theo Hợp đồng/Quyết định	Ghi chú
2	<b>Đề án phát triển và ứng dụng CNSH trong lĩnh vực CNCB đến năm 2020:</b> Hoàn thiện thức ăn công nghiệp nuôi cá chình	ThS. Hoàng Văn Duật	1/7/2015 – 31/12/2017	Tạo ra thức ăn công nghiệp nuôi cá chình, quy mô 1 tấn sản phẩm/năm	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Quy mô công nghệ và mô hình thiết bị sản xuất thức ăn công nghiệp (dạng bột mịn) nuôi cá chình, công suất 500kg/giờ</li> <li>Thức ăn công nghiệp (dạng bột mịn)</li> <li>- Đào tạo cán bộ kỹ thuật và công nhân lao động</li> <li>- Xác định thị trường, xây dựng thương hiệu và tổ chức tiêu thụ sản phẩm</li> <li>- Báo cáo đánh giá hiệu quả kinh tế</li> </ul>	
<b>II</b>	<b>ĐỀ TÀI NHÁNH CẤP NN</b>					

Stt	Tên nhiệm vụ KHCN	Chủ nhiệm	Thời gian thực hiện	Mục tiêu chung	Kết quả/Sản phẩm theo Hợp đồng/Quyết định	Ghi chú
1	Nghiên cứu, đánh giá đa dạng di truyền ốc hương ( <i>Babylonia areolata</i> ) và tu hài ( <i>Lutraria rhynchaena</i> ) (Chủ trì: Trường Cao đẳng Thủy sản)	ThS. Nguyễn N.T. Nhơn	2014-2016	<p>- Đánh giá được đa dạng di truyền của các quần thể ốc hương tự nhiên ở 6 tỉnh (Quảng Ninh, Thanh Hóa, Quảng Trị, Khánh Hòa, Bình Thuận, Bà Rịa Vũng Tàu) và 2 quần đàn ở trại nuôi.- Đánh giá được đa dạng di truyền của các quần thể tu hài tự nhiên ở 3 tỉnh Quảng Ninh, Hải Phòng và Khánh Hòa và 5 quần đàn ở trại nuôi.- Xây dựng được nguồn vật liệu ban đầu có biến dị di truyền cao làm cơ sở cho việc cải thiện chất lượng ốc hương và tu hài</p>	<p>- Cơ sở dữ liệu về đa dạng di truyền của các quần thể ốc hương, tu hài- Bộ chỉ thị đánh giá đa dạng di truyền cho ốc hương- Chỉ thị SNP liên quan đến sinh trưởng ốc hương- Chỉ thị SNP liên quan đến sinh trưởng tu hài</p>	Gia hạn 2017
<b>III</b>	<b>NHIỆM VỤ QUỸ GEN CẤP QUỐC GIA</b>					

Stt	Tên nhiệm vụ KHCN	Chủ nhiệm	Thời gian thực hiện	Mục tiêu chung	Kết quả/Sản phẩm theo Hợp đồng/Quyết định	Ghi chú
1	Khai thác và phát triển nguồn gen cá Ngựa xám <i>Tor tambroides</i> (Bleeker, 1854).	TS. Phan Đình Phúc	7/2012-6/2016	Khai thác và phát triển nguồn gen cá Ngựa xám phục vụ phát triển nuôi trồng thủy sản khu vực Tây Nguyên	Đàn cá bố mẹ: 150 con. - Đàn cá hậu bị: 150 con. - Cá giống: 50.000 con - Báo cáo về đặc điểm sinh học và đánh giá giá trị nguồn gen cá ngựa xám - Quy trình kỹ thuật sản xuất giống cá Ngựa xám - Quy trình kỹ thuật nuôi thương phẩm cá Ngựa xám - Các báo cáo chuyên đề: 11 báo cáo - Bài báo: 03 bài . - Đăng ký bảo hộ: 1. Quy trình sản xuất giống cá Ngựa Xám 2. Quy trình nuôi thương phẩm cá Ngựa Xám.	Nghiệm thu 06/2017
2	Khai thác và phát triển nguồn gen cá Mặt quỷ <i>Synanceia verrucosa</i> Bloch & Schneider, 1801.	TS. Võ Thế Dũng	1/2013-12/2016	Đánh giá được giá trị nguồn gen, có được đàn cá bố mẹ, quy trình công nghệ sản xuất giống nhằm khai thác, phát triển nguồn gen cá Mặt quỷ phục vụ phát triển nuôi trồng thủy sản	Đàn cá bố mẹ: 100con- Đàn cá hậu bị: 200 con.- Cá giống: 5.000 con- Cá thịt: 100 con- Báo cáo về đặc điểm sinh học và giá trị nguồn gen cá Mặt quỷ- Quy trình thuần hóa, tạo đàn cá bố mẹ- Quy trình công nghệ sản xuất giống nhân tạo- Bài cáo thử nghiệm nuôi thương phẩm- Tiêu chuẩn cơ sở cá bố mẹ, cá giống- Bài báo trong nước: 03 bài- Đào tạo: 01 thạc sỹ.-Đăng ký bảo hộ “ Quy trình sản xuất giống cá Mặt quỷ”.	Nghiệm thu 07/2017

Stt	Tên nhiệm vụ KHCN	Chủ nhiệm	Thời gian thực hiện	Mục tiêu chung	Kết quả/Sản phẩm theo Hợp đồng/Quyết định	Ghi chú
<b>IV</b>	<b>NHIỆM VỤ NHÁNH CỦA NHIỆM VỤ BẢO TỒN, LƯU GIỮ NGUỒN GEN VÀ GIỐNG THỦY SẢN</b>					
1	Bảo tồn, lưu giữ nguồn gen và giống các loài thủy sản khu vực miền trung	TS. Nguyễn Văn Hùng	01/01/2017-31/12/2017	Lưu trữ, bảo tồn và nâng cao chất lượng nguồn gen thủy sản nhằm phục vụ các chương trình giống, tái tạo nguồn lợi và phát triển bền vững nghề nuôi thủy sản	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Báo cáo Kết quả điều tra, thu thập và vận chuyển 02 nguồn gen hải sâm lựu, tôm mũ ni trắng.</li> <li>- Báo cáo kết quả lưu giữ bảo tồn 10 nguồn gen thủy sản</li> <li>- Báo cáo kết quả lưu giữ 06 loài vi tảo</li> <li>- Báo cáo Kết quả đánh giá theo các chỉ tiêu sinh học nguồn gen thủy sản và vi tảo</li> <li>- Báo cáo Kết quả tư liệu hóa nguồn gen thủy sản và vi tảo</li> <li>- Danh mục các nguồn gen trao đổi sử dụng</li> </ul>	
<b>V</b>	<b>ĐỀ TÀI CẤP BỘ</b>					
1	Nghiên cứu giải pháp kỹ thuật và quản lý phòng trị hiệu quả bệnh sứa trên tôm hùm nuôi lồng	TS. Võ Văn Nha	1/2015-6/2017	Có được giải pháp kỹ thuật và quản lý phòng, trị hiệu quả bệnh sứa trên tôm hùm nuôi lồng.	<ul style="list-style-type: none"> <li>Chứng vi sinh vật gây bệnh sứa trên tôm</li> <li>- Quy trình trị hiệu quả bệnh sứa trên tôm hùm nuôi</li> <li>- Quy trình kỹ thuật nuôi và giải pháp quản lý vùng nuôi phòng bệnh sứa trên tôm hùm nuôi lồng hiệu quả</li> <li>- 02 mô hình áp dụng giải pháp. Năng suất 4kg/1m<sup>2</sup>/vụ, tỷ lệ sống &gt;90%, không xuất hiện bệnh sứa so với lồng nuôi truyền thống, tạo được 960 kg</li> </ul>	Nghiệm thu 11/2017

Stt	Tên nhiệm vụ KHCN	Chủ nhiệm	Thời gian thực hiện	Mục tiêu chung	Kết quả/Sản phẩm theo Hợp đồng/Quyết định	Ghi chú
					tôm hùm thương phẩm, cỡ >600 g/con - Bài báo trong nước: 1-2 bài - Đào tạo: 1-2 thạc sỹ	
2	Nghiên cứu nâng cao tỷ lệ số của tôm hùm giống giai đoạn ương nuôi	ThS. Đinh Tấn Thiện	2015-2016	Nâng cao hiệu quả, tận dụng tối đa nguồn lợi tự nhiên;- Tạo nguồn tôm hùm ương có chất lượng tốt phục vụ cho nuôi tôm thương phẩm, góp phần phát triển bền vững nghề nuôi tôm hùm lồng.	- Quy trình công nghệ ương nuôi tôm hùm giống (từ tôm trắng lên giống) đạt tỷ lệ sống trên 85% và phòng ngừa bệnh thường gặp-Báo cáo chuyên đề: 02 báo cáo- Mô hình ương nuôi hùm giống từ giai đoạn tôm trắng lên giống đạt tỷ lệ sống 85%, 5000 con giống kích cỡ 4-5g/con- Bài báo trong nước: 01	Nghiệm thu 07/2017
<b>VI</b>	<b>ĐỀ TÀI NHÁNH CẤP BỘ</b>					
1	Nghiên cứu xây dựng quy trình công nghệ sản xuất thức ăn nuôi phát dục tôm thẻ chân trắng bố mẹ	ThS. Nguyễn Văn Dũng	1/2015 - 10/2017	- Xây dựng được quy trình công nghệ sản xuất giống trùng huyết: tỷ lệ trùng huyết bố mẹ thành thực >70%, tỷ lệ đẻ >10%, tỷ lệ sống đến giai đoạn giống (>1,0cm) >10%. - Xây dựng được quy trình công	- Báo cáo đặc điểm sinh học của trùng huyết. - Quy trình sản xuất giống nhân tạo trùng huyết. - Quy trình nuôi trùng huyết làm thức ăn nuôi phát dục tôm thẻ chân trắng. - Bài báo về ảnh hưởng của thức ăn lên quá trình sinh trưởng, tỷ lệ sống và tỷ lệ thành thực trùng huyết bố mẹ.	

Stt	Tên nhiệm vụ KHCN	Chủ nhiệm	Thời gian thực hiện	Mục tiêu chung	Kết quả/Sản phẩm theo Hợp đồng/Quyết định	Ghi chú
				nghệ nuôi trồng huyết làm thức ăn nuôi phát dục tôm thẻ chân trắng. Nuôi trong bể: tỷ lệ sống >70%, năng suất đạt 1,0kg/m <sup>3</sup> , trong ao: tỷ lệ sống >60%, năng suất đạt 0,3 tấn/ha. - Xây dựng được quy trình công nghệ sản xuất giống rươi: tỷ lệ rươi bố mẹ thành thực >70%, tỷ lệ đẻ >10%, tỷ lệ sống đến giai đoạn giống (>1,0cm) >10%.		
<b>VII</b>	<b>NHIỆM VỤ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG</b>					
1	Giám sát biến động môi trường và chỉ đạo, phòng trừ dịch bệnh vùng nuôi tôm nước lợ, nuôi tôm hùm tập trung tại các tỉnh Nam trung Bộ		3/2017-12/2017			
<b>VIII</b>	<b>NHIỆM VỤ TX TCN NĂM 2017</b>					

Stt	Tên nhiệm vụ KHCN	Chủ nhiệm	Thời gian thực hiện	Mục tiêu chung	Kết quả/Sản phẩm theo Hợp đồng/Quyết định	Ghi chú
1	Hoàn thiện công nghệ sản xuất giống cá mú cộp nhằm nâng cao tỷ lệ sống và đạt chất lượng, sạch bệnh phục vụ nghề nuôi cá mú thương phẩm 2017	TS. Trương Quốc Thái	1/2017-12/2017		<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thời gian thực hiện: 2016-2018</li> <li>- Quy trình công nghệ sản xuất giống sạch bệnh một số bệnh như vi khuẩn (<i>Vibrio</i> spp., <i>Pseudomonas</i> sp., <i>Streptococcus</i> sp.) và ký sinh trùng (<i>Trichodia</i> sp.).</li> <li>- Báo cáo kết quả phát triển quy trình công nghệ sản xuất giống cá mú.</li> <li>- Áp dụng thực tế: 1-2 cơ sở sản xuất giống áp dụng thành công quy trình.</li> </ul>	Nghiệm thu ngày 13/11/2017
2	Cải tiến, hoàn thiện quy trình và phát triển sản xuất giống ghẹ xanh	TS. Phùng Bảy	1/2017-12/2017		<p>Quy trình kỹ thuật sản xuất giống ghẹ xanh được hoàn thiện với một số chỉ tiêu kỹ thuật:(1). Sử dụng thức ăn thích hợp trong giai đoạn đầu: Dùng thức ăn <i>Artemia</i> bung dù ở giai đoạn Zoea 1 và Zoea 2, <i>Artemia</i> nở từ Zoea 3 trở đi.(2). Thay đổi giai đoạn san thưa và chuyển bể: Sự phát triển của ấu trùng Zoea ghẹ xanh trải qua 4 giai đoạn (Zoea 1 – Zoea 4) trong vòng 18-22 ngày. Nghiên cứu này đã tiến hành giải pháp san thưa và chuyển bể vào giai đoạn Zoea 3, Zoea 4 và Megalope. (3). Tỷ lệ sống của ấu trùng ghẹ xanh &gt;15%, cao</p>	Nghiệm thu ngày 13/11/2017

Stt	Tên nhiệm vụ KHCN	Chủ nhiệm	Thời gian thực hiện	Mục tiêu chung	Kết quả/Sản phẩm theo Hợp đồng/Quyết định	Ghi chú
					<p>hơn so với kỹ thuật trước đây là 12%.- Áp dụng vào thực tế:+ 1-2 cơ sở áp dụng quy trình sản xuất giống ghẹ xanh.- Số lượng giống: 50 vạn ghẹ xanh giống 6 ngày tuổi</p>	
3	Nghiên cứu nâng cao hiệu quả sử dụng thức ăn công nghiệp trong nuôi tôm hùm	TS. Mai Duy Minh	1/2017-12/2017		<ul style="list-style-type: none"> <li>- Cải tiến các giải pháp trong quản lý, kỹ thuật cho ăn (cách cho ăn, phương pháp, số lần...)</li> <li>để nâng cao hiệu quả về sinh trưởng và tỷ lệ sống của tôm hùm nuôi trong bể.</li> <li>- Báo cáo các giải pháp nâng cao hiệu quả sử dụng thức ăn công nghiệp trong nuôi tôm hùm.</li> <li>- Áp dụng thực tế: phối hợp với 01 hộ nuôi tôm thử nghiệm đánh giá hiệu quả thức ăn.</li> </ul>	Nghiệm thu ngày 13/11/2017

Stt	Tên nhiệm vụ KHCN	Chủ nhiệm	Thời gian thực hiện	Mục tiêu chung	Kết quả/Sản phẩm theo Hợp đồng/Quyết định	Ghi chú
4	Nâng cao chất lượng nguồn giống các đối tượng thủy sản nuôi quan trọng và các loài đặc sản ở khu vực Tây Nguyên	TS. Phan Đình Phúc	1/2017-12/2017		<p>- Thời gian thực hiện: 2016-2018- Số lượng đàn cá bố mẹ và sản xuất con giống.+ Đàn cá bố mẹ trắm cỏ 40 cặp, mè hoa 30 cặp; cá mè trắng 30 cặp (TC: 200 cá thể các loài);+ 20 triệu cá bột và 200.000 cá giống các loài; - Số lượng đàn cá bố mẹ hậu bị các loài đặc sản khu vực Tây Nguyên:+ Đàn cá bố mẹ hậu bị các loài cá lăng đuôi đỏ 40 cặp, cá còm 50 cặp, cá chiên 10 cặp, cá tầm 50 cặp ; 20 cặp cá bống (TC: 340 cá thể các loài).- Quy trình công nghệ sản xuất giống các loài đặc sản+ Quy trình công nghệ sản xuất giống cá lăng đuôi đỏ hoàn thiện;+ Quy trình công nghệ sản xuất giống cá còm hoàn thiện;+ Quy trình nuôi vỗ cá bố mẹ cá tầm.- Quy trình nuôi vỗ cá bố mẹ cá bống.+ Sản xuất con giống các loài cá lăng đuôi đỏ 10.000 con, cá còm 3.000 con.</p>	Nghiệm thu ngày 13/11/2017

Stt	Tên nhiệm vụ KHCN	Chủ nhiệm	Thời gian thực hiện	Mục tiêu chung	Kết quả/Sản phẩm theo Hợp đồng/Quyết định	Ghi chú
5	Đánh giá chất lượng giống tôm chân trắng <i>L. vannamei</i> từ nguồn bố mẹ gia hóa tại Việt Nam	TS. Nguyễn Hữu Hùng	1/2017-12/2017		Thời gian thực hiện: 2016-2017- Báo cáo tổng kết đánh giá chất lượng giống tôm chân trắng từ nguồn bố mẹ gia hóa và đề xuất định hướng nghiên cứu trong thời gian tới.- Phối hợp với doanh nghiệp kiểm tra, đánh giá chất lượng giống. Từ 2-3 mô hình nuôi trồng thủy sản tham gia nuôi thương phẩm phục vụ đánh giá.- Sản xuất: 20 triệu giống tôm chân trắng giai đoạn PL 12.	Nghiệm thu ngày 13/11/2017
6	Đánh giá biến động số lượng vi khuẩn chuyển hóa nitơ và vi khuẩn vibrio spp. trong hệ thống lọc sinh học tuần hoàn ứng dụng nuôi hải sản	TS. Nguyễn Thị Thanh Thùy	1/2017-12/2017		- Bộ số liệu biến động số lượng vi khuẩn nitrobacter trong hệ thống lọc SHTH; - Biến động các yếu tố môi trường nuôi cua lột (NH <sub>3</sub> /NH <sub>4</sub> <sup>+</sup> ; NO <sub>2</sub> <sup>-</sup> , NO <sub>3</sub> <sup>-</sup> , oxy hòa tan, pH...);	Nghiệm thu ngày 13/11/2017

Stt	Tên nhiệm vụ KHCN	Chủ nhiệm	Thời gian thực hiện	Mục tiêu chung	Kết quả/Sản phẩm theo Hợp đồng/Quyết định	Ghi chú
7	Phân tích, đánh giá các yếu tố môi trường có nguy cơ ảnh hưởng đến dịch bệnh trên một số đối tượng nuôi ở miền Trung giai đoạn 2016-2020	TS. Võ Văn Nha	1/2017-12/2017		<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thời gian thực hiện: 2016-2020</li> <li>- Báo cáo chuyên đề đánh giá một số yếu tố môi trường (nhiệt độ, độ mặn, pH, DO, NH<sub>3</sub>-N, NO<sub>2</sub>-N, H<sub>2</sub>S) có tác động gia tăng bệnh sữa trên tôm hùm và đề xuất giải pháp kiểm soát.</li> <li>+ Bộ dữ liệu về môi trường và tình hình bệnh sữa trên tôm hùm ở vùng nuôi tập trung năm 2017.</li> <li>+ Báo cáo chuyên đề Đánh giá một số yếu tố môi trường (nhiệt độ, độ mặn, độ kiềm, pH, DO, NH<sub>3</sub>-N, H<sub>2</sub>S) có tác động gia tăng bệnh WSSV/EMS trên tôm thẻ chân trắng và đề xuất giải pháp kiểm soát.</li> <li>+ Bộ dữ liệu về môi trường và tình hình bệnh WSSV/EMS trên tôm thẻ chân trắng ở vùng nuôi tập trung năm 2017.</li> </ul>	<p>Nghiệm thu ngày 13/11/2017</p>

<b>Stt</b>	<b>Tên nhiệm vụ KHCN</b>	<b>Chủ nhiệm</b>	<b>Thời gian thực hiện</b>	<b>Mục tiêu chung</b>	<b>Kết quả/Sản phẩm theo Hợp đồng/Quyết định</b>	<b>Ghi chú</b>
8	Đánh giá hiện trạng khai thác và đề xuất giải pháp bảo vệ nguồn lợi giống tôm hùm phục vụ phát triển nuôi bền vững tại tỉnh Phú Yên và Khánh Hòa giai đoạn 2016-2020	TS. Thái Ngọc Chiến	1/2017-12/2017		- Thời gian thực hiện: 2016-2020- 01 bộ số liệu về thành phần loài khai thác, kích thước tôm hùm giống, sản lượng tôm hùm giống; các hình thức khai thác tôm hùm giống tại Phú Yên và Khánh Hòa năm 2017.- 01 báo cáo về thành phần loài khai thác, kích thước tôm hùm giống, sản lượng tôm hùm giống; các hình thức khai thác tôm hùm giống tại Phú Yên và Khánh Hòa năm 2017.	Nghiệm thu ngày 13/11/2017
9	Xây dựng sổ tay hướng dẫn nuôi thương phẩm cá chình hoa ( <i>Anguilla marmorata</i> ) theo hình thức công nghiệp	ThS. Hoàng Văn Duật	1/2017-12/2017		- Sổ tay hướng dẫn công nghệ nuôi cá chình hoa theo hình thức công nghiệp. - Kích cỡ cá thương phẩm đạt > 1kg/con, sản phẩm đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm. - Áp dụng thực tế: + Từ 1-2 cơ sở sản xuất áp dụng thành công quy trình.	Nghiệm thu ngày 13/11/2017
<b>IX</b>	<b>ĐỀ TÀI CẤP TỈNH</b>					

Stt	Tên nhiệm vụ KHCN	Chủ nhiệm	Thời gian thực hiện	Mục tiêu chung	Kết quả/Sản phẩm theo Hợp đồng/Quyết định	Ghi chú
1	Nghiên cứu ứng dụng quy trình sản xuất giống tôm thẻ chân trắng tại tỉnh Trà Vinh	TS. Đào Văn Trí	6/2014-6/2017	Ứng dụng thành công quy trình kỹ thuật sản xuất giống tôm thẻ chân trắng nhằm chủ động nguồn tôm giống có chất lượng cho nghề nuôi tôm thẻ chân trắng tại tỉnh Trà Vinh	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tôm giống PL12: 50 triệu con</li> <li>- Quy trình kỹ thuật ương giống tôm thẻ chân trắng từ Nauplius nhập nội lên PL12</li> <li>- Quy trình nuôi vỗ thành thục tôm bố mẹ và cho đẻ</li> <li>- Quy trình sản xuất giống nhân tạo</li> <li>- Các báo cáo chuyên đề: 09 chuyên đề.</li> </ul>	Nghiệm thu tháng 05/2017
2	Nghiên cứu sinh học nguồn lợi, thử nghiệm sản xuất giống loài phi ( <i>Sanguinolaria diphos</i> Linnaeus, 1771) tại tỉnh Thanh Hóa	ThS. Nguyễn Văn Hà	6/2015-6/2017		<ul style="list-style-type: none"> <li>- Bản hướng dẫn kỹ thuật sản xuất tạo giống phi tại Thanh Hóa- Báo cáo phương án sử dụng và nhân rộng kết quả- Chuyên đề 1: Đặc trưng một số yếu tố môi trường sống của Phi tại Thanh Hóa- Chuyên đề 2: Đặc điểm sinh học, sinh sản của phi tại Thanh Hóa- Chuyên đề 3: Kỹ thuật nuôi vỗ bố mẹ và phương pháp kích thích sinh sản- Chuyên đề 4: Khả năng sinh sản nhân tạo phi tại Thanh Hóa</li> </ul>	Nghiệm thu tháng 10/2017

Stt	Tên nhiệm vụ KHCN	Chủ nhiệm	Thời gian thực hiện	Mục tiêu chung	Kết quả/Sản phẩm theo Hợp đồng/Quyết định	Ghi chú
3	Nghiên cứu xây dựng và ứng dụng mô hình nuôi ốc hương ( <i>babylonia areolata link,1807</i> ) thương phẩm tại huyện Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh	ThS. Nguyễn Văn Hà	8/2015 – 2/2017	Ứng dụng thành công quy trình kỹ thuật nuôi thương phẩm ốc hương trong ao tại tỉnh Trà Vinh nhằm tạo ra đối tượng nuôi mới, nghề nuôi mới, tạo công ăn việc làm cho người dân vùng nông thôn ven biển tỉnh Trà Vinh.	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Ốc hương thương phẩm: 7.500 kg.</li> <li>- Quy trình nuôi ốc hương thương phẩm phù hợp với điều kiện thực tế của Trà Vinh: tỷ lệ sống 70-75%.</li> <li>- Các báo cáo chuyên đề: 04 chuyên đề.</li> </ul>	Nghiệm thu tháng 03/2017

Stt	Tên nhiệm vụ KHCN	Chủ nhiệm	Thời gian thực hiện	Mục tiêu chung	Kết quả/Sản phẩm theo Hợp đồng/Quyết định	Ghi chú
4	Ứng dụng tiến bộ KHKT xây dựng mô hình sản xuất giống và nuôi thương phẩm sò huyết	Nguyễn Điều (chuyên gia công nghệ)	3/2015 – 2/2017	Ứng dụng tiến bộ khoa học công nghệ xây dựng mô hình sản xuất giống và nuôi thương phẩm Sò huyết.	<p>- Sò huyết giống cấp 1: 120 triệu con- Sò huyết thương phẩm, kích cỡ 90-100 con/1kg: 3.000 kg- Công nghệ sản xuất giống Sò huyết: 08 quy trình sản xuất trong sản xuất giống.- Công nghệ nuôi thương phẩm Sò huyết: 05 quy trình trong nuôi thương phẩm.- Mô hình sản xuất giống sò huyết: Quy mô 120 triệu giống/năm, chỉ tiêu chất lượng: Con giống cỡ 2 - 3 mm, màu nâu sẫm hay còn gọi là sò cát (sò cấp 1) tương đương 60.000-80.000con/kg.- Mô hình nuôi thương phẩm sò huyết: Quy mô 3 ha, Năng suất: 3tấn/vụ chỉ tiêu chất lượng: Sò thương phẩm màu bùn, kích cỡ 90-100 con/1kg.- Đào tạo tập huấn: 04 kỹ thuật viên sản xuất giống, 04 kỹ thuật viên nuôi thương phẩm</p>	Hoàn thành tháng 02/2017

<b>Stt</b>	<b>Tên nhiệm vụ KHCN</b>	<b>Chủ nhiệm</b>	<b>Thời gian thực hiện</b>	<b>Mục tiêu chung</b>	<b>Kết quả/Sản phẩm theo Hợp đồng/Quyết định</b>	<b>Ghi chú</b>
5	Nghiên cứu xây dựng và ứng dụng mô hình nuôi tôm thẻ chân trắng ( <i>Litopenaeus vannamei</i> Bonne, 1931) siêu thâm canh tại tỉnh Trà Vinh	ThS. Hồ Thị Bích Ngân	8/2015 – 8/2017	Phát triển ổn định và nâng cao hiệu quả của nghề nuôi tôm thẻ chân trắng tại tỉnh Trà Vinh.	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tôm thương phẩm cỡ 60-80g/con: 40-50 tấn.</li> <li>- Quy trình kỹ thuật nuôi tôm thẻ chân trắng siêu thâm canh đạt năng suất 20 -25 tấn/ha/vụ, kích cỡ 60-80g/con, tỷ lệ sống &gt;80%.</li> <li>- Mô hình nuôi tôm thẻ chân trắng siêu thâm canh: 02 mô hình</li> <li>- Các báo cáo chuyên đề: 08 chuyên đề.</li> </ul>	Nghiệm thu tháng 11/2017
6	Xây dựng quy trình kỹ thuật sản xuất giống nhân tạo và thử nghiệm nuôi thương phẩm móng tay dày tại Khánh Hòa	ThS. Trần Trung Thành	7/2015 - 7/2017		<ul style="list-style-type: none"> <li>- Móng tay bố mẹ: 490 con</li> <li>- Giống móng tay dày: 60.000 con</li> <li>- Móng tay dày thương phẩm: 40 kg</li> <li>- Mô hình nuôi thương phẩm móng tay dày tại đầm Thủy Triều và đầm Nha Phu.</li> <li>- Quy trình (dự thảo) kỹ thuật sản xuất giống nhân tạo móng tay dày.</li> <li>- Báo cáo chuyên đề: 01</li> <li>- Tài liệu tập huấn.</li> <li>- Đào tạo 05 kỹ thuật viên.</li> </ul>	Nghiệm thu tháng 06/2017

<b>Stt</b>	<b>Tên nhiệm vụ KHCN</b>	<b>Chủ nhiệm</b>	<b>Thời gian thực hiện</b>	<b>Mục tiêu chung</b>	<b>Kết quả/Sản phẩm theo Hợp đồng/Quyết định</b>	<b>Ghi chú</b>
7	Nghiên cứu xác định các yếu tố không bền vững của nghề nuôi tôm hùm trên biển tại huyện Vạn Ninh và đề xuất các giải pháp khắc phục	TS. Thái Ngọc Chiến	4/2016-10/2017	- Phát triển bền vững nghề nuôi tôm hùm lồng tại huyện Vạn Ninh.	- Số liệu điều tra.- Báo cáo chuyên đề:04 báo cáo-Mô hình nuôi tôm hùm lồng quản lý ở Vịnh Vân Phong: 50 hộ tham gia.	Nghiệm thu tháng 10/2017

**PHÒNG KHOA HỌC, HTQT VÀ ĐT – VIỆN NGHIÊN CỨU NTTS III**